

## INDUSTRIAL PLUGS AND SOCKETS

- Sử dụng tốt trong điều kiện nhiệt độ -25°C đến 80°C
- Sử dụng liên tục trong 1 giờ ở nhiệt độ 100°C
- Sản xuất bằng vật liệu POLYAMIDE 6: Chống cháy, chống mài mòn, chịu áp lực cao, chống phản ứng với nhiều loại hóa chất



Connection  
to the future

### Phích cắm cao su di động không kín nước Plug (Splashproof)



**F0511 - S**  
- Rubber plug (Splashproof), phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP44  
- Loại không kín nước

81.000



**F0512 - S**  
- Solid rubber plug (Splashproof), phích cắm bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP44  
- Loại không kín nước, chịu va đập

113.000



**F2510 - S**  
- Rubber connector (Splashproof) ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E', 16A, 250V, IP20  
- Loại không kín nước

82.000



**F1050 - 0B**  
- Socket outlet (Splashproof IP54)  
- Ổ cắm âm có nắp 2P + 'E', 16A, 250V, IP54

68.000



**F106 - 0**  
- Mounting box (Splashproof IP44)  
- Để nối cho ổ cắm âm không kín nước

88.000

### Ổ cắm chia 3 ngã loại không kín nước (IP44) Multiple-socket outlet (Splashproof IP44)



**F9432006**  
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.350.000



**F9432000**  
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.170.000



**F9430401**  
Bộ chia ổ cắm PCE  
16A 3P 230V

1.000.000

### Ổ cắm công nghiệp kèm công tắc loại kín nước (IP67) Switched interlocked sockets (Watertight IP67)



**F61132 - 6**  
16A - 3P - 230V - 6H - IP67

1.600.000

**F61252 - 6**  
32A - 5P - 400V - 6H - IP67

1.790.000



**F75252-6**  
32A - 5P - 400V - 6H - IP67

3.070.000

### Phích cắm di động loại không kín nước (IP44) Plug (Splashproof IP44)



**F013 - 6ECO**  
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

70.000



**F014 - 6** 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

100.000

**F015 - 6** 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

112.000

**F023 - 6** 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

125.000

**F024 - 6** 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

132.000

**F025 - 6** 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

165.000

### Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44) Connector (Splashproof IP44)



**F213 - 6ECO**  
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

100.000



**F214 - 6** 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

125.000

**F215 - 6** 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

155.000

**F223 - 6** 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

152.000

**F224 - 6** 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

175.000

**F225 - 6** 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

222.000

### Ổ cắm gắn nối loại không kín nước (IP44) Wall socket (Splashproof IP44)



**F113 - 6** 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

135.000

**F114 - 6** 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

165.000

**F115 - 6** 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

175.000

**F123 - 6** 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

187.000

**F124 - 6** 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

197.000

**F125 - 6** 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

211.000

### Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44) Flanged socket straight (Splashproof IP44)



**F313 - 6** 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

140.000

**F314 - 6** 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

156.000

**F315 - 6** 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

165.000

**F323 - 6** 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

175.000

**F324 - 6** 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

180.000

**F325 - 6** 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

207.000

### Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44) Flanged socket sloping (Splashproof IP44)



**F413 - 6** 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

157.000

**F414 - 6** 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

185.000



**F415 - 6** 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

206.000

**F423 - 6** 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

245.000




**F424 - 6** 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

270.000




**F425 - 6** 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

295.000




**Phích cắm di động loại kín nước (IP67)  
Plug (Watertight IP67)**

	<b>F0132 - 6</b>	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>265.000</b>
	<b>F0142 - 6</b>	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>280.000</b>
	<b>F0152 - 6</b>	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>300.000</b>
	<b>F0232 - 6</b>	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>325.000</b>
	<b>F0242 - 6</b>	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>345.000</b>
	<b>F0252 - 6</b>	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>365.000</b>
<hr/>			
	<b>F033 - 6</b>	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>740.000</b>
	<b>F034 - 6</b>	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>760.000</b>
	<b>F035 - 6</b>	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>785.000</b>
	<b>F043 - 6</b>	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>1.420.000</b>
	<b>F044 - 6</b>	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>1.670.000</b>
	<b>F045 - 6</b>	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>1.910.000</b>
<hr/>			
	<b>F0822 - 10V</b>	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP67	<b>282.000</b>



**Ổ cắm nối loại kín nước (IP67)  
Connector (Watertight IP67)**

	<b>F2132 - 6</b>	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>280.000</b>
	<b>F2142 - 6</b>	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>310.000</b>
	<b>F2152 - 6</b>	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>390.000</b>
	<b>F2232 - 6</b>	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>400.000</b>
	<b>F2242 - 6</b>	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>410.000</b>
	<b>F2252 - 6</b>	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>445.000</b>
<hr/>			
	<b>F233 - 6</b>	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	<b>890.000</b>
	<b>F234 - 6</b>	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	<b>910.000</b>
	<b>F235 - 6</b>	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	<b>930.000</b>
	<b>F243 - 6</b>	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	<b>1.950.000</b>
	<b>F244 - 6</b>	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	<b>2.060.000</b>
	<b>F245 - 6</b>	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	<b>2.210.000</b>
<hr/>			
	<b>F3822-10F9V</b>	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP66/67	<b>353.000</b>



**Ổ cắm gắn nối loại kín nước (IP67)  
Wall socket (Watertight IP67)**

	<b>F1132 - 6</b>	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>407.000</b>
	<b>F1142 - 6</b>	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>470.000</b>
	<b>F1152 - 6</b>	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>515.000</b>
	<b>F1232 - 6</b>	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>550.000</b>
	<b>F1242 - 6</b>	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>590.000</b>
	<b>F1252 - 6</b>	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>625.000</b>
<hr/>			
	<b>F133 - 6</b>	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	<b>980.000</b>
	<b>F134 - 6</b>	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	<b>1.080.000</b>
	<b>F135 - 6</b>	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	<b>1.180.000</b>
<hr/>			
	<b>F143 - 6</b>	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	<b>2.400.000</b>
	<b>F144 - 6</b>	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	<b>2.550.000</b>
	<b>F145 - 6</b>	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	<b>2.700.000</b>

**Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)  
Flanged socket straight (Watertight IP67)**

	<b>F3132 - 6</b>	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>325.000</b>
	<b>F3142 - 6</b>	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>375.000</b>
	<b>F3152 - 6</b>	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>400.000</b>
	<b>F3232 - 6</b>	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>410.000</b>
	<b>F3242 - 6</b>	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>430.000</b>
	<b>F3252 - 6</b>	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>450.000</b>
<hr/>			
	<b>F333 - 6</b>	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	<b>590.000</b>
	<b>F334 - 6</b>	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	<b>665.000</b>
	<b>F335 - 6</b>	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	<b>710.000</b>
	<b>F343 - 6</b>	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	<b>1.570.000</b>
	<b>F344 - 6</b>	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	<b>1.680.000</b>
	<b>F345 - 6</b>	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	<b>1.780.000</b>

**Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)  
Flanged socket sloping (Watertight IP67)**

	<b>F4132 - 6F78</b>	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>235.000</b>
	<b>F4142 - 6F78</b>	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	<b>265.000</b>
	<b>F4152 - 6F78</b>	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>275.000</b>
	<b>F4232 - 6F78</b>	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	<b>410.000</b>
	<b>F4252 - 6F78</b>	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	<b>450.000</b>
<hr/>			
	<b>F433 - 6</b>	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	<b>620.000</b>
	<b>F433 - 6FC</b>	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	<b>620.000</b>
	<b>F434 - 6FC</b>	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	<b>665.000</b>
	<b>F435 - 6FC</b>	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	<b>710.000</b>
<hr/>			
	<b>F443 - 6</b>	125A - 3P - 400V - 6H - IP66/67	<b>1.520.000</b>
	<b>F444 - 6</b>	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	<b>1.670.000</b>
	<b>F445 - 6</b>	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	<b>1.860.000</b>

**Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước  
Container - Plug and Socket (Watertight IP67)**

	<b>F0242 - 3V</b>	Phích cắm - Plug 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	<b>272.000</b>
<hr/>			
	<b>F1242 - 3V</b>	Ổ cắm nối - Wall socket 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	<b>795.000</b>
<hr/>			
	<b>F2242 - 3V</b>	Ổ cắm nối - Connector 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	<b>390.000</b>
<hr/>			
	<b>F3242 - 3V</b>	Ổ cắm gắn âm, dạng thẳng Flanged socket straight 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	<b>460.000</b>

**Bộ tủ điện phân phối**

**NDB313-232**  
Tủ điện phân phối IP44  
1 MCB 2P 32A Panasonic kết hợp  
3 ổ cắm 3P 16A PCE  
Kích thước: 200x200x65mm  
*Có ráp bộ theo yêu cầu của khách hàng*

**875.000**


**NDB313**  
Tủ điện phân phối IP44  
3 ổ cắm 3P 16A PCE  
Kích thước: 200x200x65mm

**590.000**

Có thể sử dụng **HỘP NỐI DÂY** làm để **TỦ ĐIỆN PHÂN PHỐI**

**NPA20065V**  
[\*] Tham khảo thêm các loại **HỘP NỐI DÂY** trang 12

**nanoco Cầu dao cách ly (Loại kín nước IP66)**

	<b>NIS220</b>	2P - 20A - 250V - IP66	<b>240.000</b>
	<b>NIS235</b>	2P - 35A - 250V - IP66	<b>250.000</b>
	<b>NIS245</b>	2P - 45A - 250V - IP66	<b>285.000</b>
	<b>NIS263</b>	2P - 63A - 250V - IP66	<b>300.000</b>
	<b>NIS320</b>	3P - 20A - 440V - IP66	<b>300.000</b>
	<b>NIS335</b>	3P - 35A - 440V - IP66	<b>310.000</b>
	<b>NIS345</b>	3P - 45A - 440V - IP66	<b>355.000</b>
	<b>NIS363</b>	3P - 63A - 440V - IP66	<b>370.000</b>
	<b>NIS420</b>	4P - 20A - 440V - IP66	<b>345.000</b>
	<b>NIS435</b>	4P - 35A - 440V - IP66	<b>360.000</b>
	<b>NIS445</b>	4P - 45A - 440V - IP66	<b>400.000</b>
	<b>NIS463</b>	4P - 63A - 440V - IP66	<b>420.000</b>